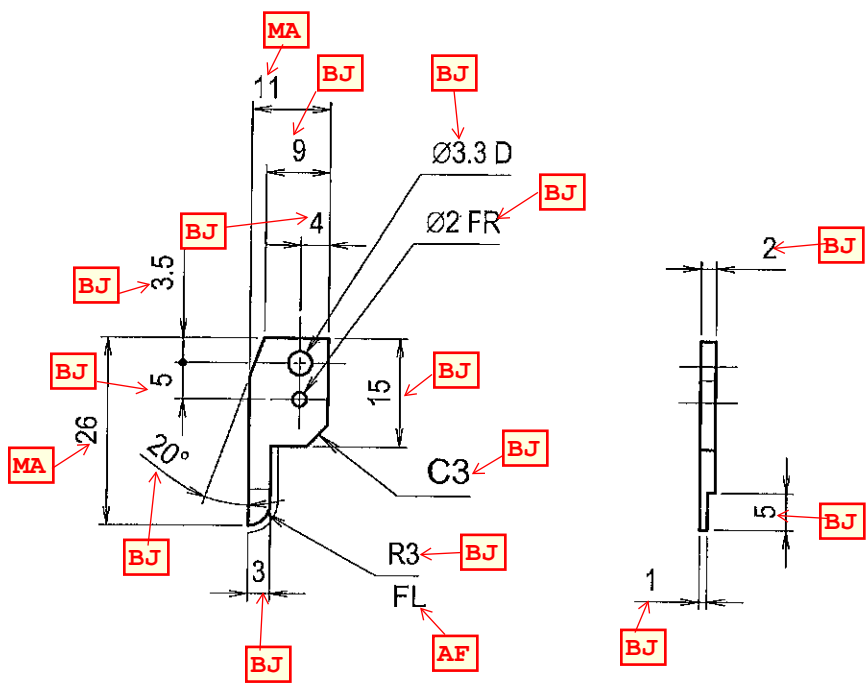


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2012/12/19			Ho_Chin_Yen	Hsu_Chen_Feng	<div>0.5 ≤ , ≤ 6 ±0.1</div> <div>6 &lt; , ≤ 30 ±0.2</div> <div>30 &lt; , ≤ 120 ±0.3</div> <div>120 &lt; , ≤ 315 ±0.5</div>
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
△						FINISH MARKS
△						1.6/

全C0.3(SC-136)



S CHUẨN

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Ho_Chin_Yen	Hsu_Chen_Feng	部品図 PART DRAWING	ガイド板 GUIDE PLATE
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	導向板
HRC		部品図	导向板
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SUS304	2012/12/19	1:1	S878802

SNO: **S878802**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SUS</b> <b>T2*16*31</b>	AA:20 MA:20 BJ:30 AF:15